

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHI NGÂN SÁCH TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỰ CHỦ NGÂN SÁCH

VÕ VĂN HỢP

*Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh  
vovanhop.iuh@gmail.com*

**Tóm tắt.** Hiện nay, trong xu thế công nghiệp 4.0 và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ. Khoa học và công nghệ (KH&CN) trở thành động lực cơ bản của phát triển kinh tế xã hội. Do đó, lĩnh vực khoa học công nghệ sẽ góp phần đưa đất nước phát triển đến một tầm cao hơn. Với quan điểm và chủ trương này trong các kỳ họp Quốc hội gần đây được Đảng và nhà nước quan tâm và đã đưa ra những chính sách phát triển KH&CN hiện nay. Tuy nhiên còn một số bất cập trong việc chi NSNN cho NCKH đối với lĩnh vực kinh tế tài chính ngân tại sở khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh triển khai cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM trong đó quyền tự chủ về ngân sách.

**Từ khóa.** Chi NSNN, thực trạng NCKH, lĩnh vực kinh tế tài chính ngân hàng, tự chủ NSNN, cơ chế đặc thù

### SOLUTIONS FOR BUDGET EXPENDITURE IN THE SCIENTIFIC RESEARCH OF ECONOMICS-FINANCE AT THE HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY IN THE CONTEXT WHEN THIS CITY IMPLEMENTS AUTONOMY MECHANISM

Abstract. In the context that the government budget confronts many challenges in balancing its budget while the budget deficit gradually increases and the trend of public debt gets closer to the ceiling of 65% of GDP, it is necessary to tighten the management of expenditure. Another main problem is to pay attention to the efficiency of state budget spending in general and science and technology in particular, especially whether a product of science and technology brings back economic efficiency and social benefits. This paper analyses and evaluates relevant empirical data at the Department of Science and Technology of Ho Chi Minh City and proposes the groups of recommendations to tackle some problems in the current expenditure, when Ho Chi Minh City implements the autonomy mechanism under Resolution No.54 / 2017 / QH14 Hanoi, November 24, 2017.

**Keywords.** state budget, field of economics - finance, on pilot implementation, particular policies, socio-economy, development Ho Chi Minh City

### GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh ngân sách nhà nước gặp rất nhiều khó khăn trong việc cân đối NSNN và thâm hụt NSNN ngày một gia tăng và xu thế nợ công càng tiến sát trần 65% GDP ảnh hưởng đến tương lai “sức khỏe” của NSNN thì cần kiểm soát chặt chẽ việc chi ngân sách về hiệu quả trong việc chi tiêu nói chung và chi cho khoa học công nghệ nói riêng cụ thể là tính hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội trên một sản phẩm của KHCN. Với quan điểm và chủ trương này trong các kỳ họp Quốc hội gần đây được Đảng và nhà nước quan tâm và đưa ra những chính sách phát triển KHCN trong xu thế mới. Trong các phiên họp của Quốc hội và Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2018 vấn đề NCKH được đưa vào hội nghị với sự quan tâm của các chuyên gia và các đại biểu Quốc hội về tính hiệu quả và các khoản chi từ NSNN cho công tác NCKH nói chung. Thành phố Hồ Chí Minh vào phiên họp sáng ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại ngày làm việc thứ 3 - kỳ họp thứ 9 HĐND TP.HCM khóa IX, tổng cộng 41 vấn đề được gửi từ 18 đại biểu đại diện cho cử tri Thành phố trong đó chủ yếu quan tâm đến vấn đề NCKH từ nguồn chi NSNN.

Tính thời sự hiện nay đó là Tp.HCM triển khai cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM trong đó quyền tự chủ quản lý tài chính ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện từ ngày 15/1/2018. Đây là thuận lợi tạo cho thành phố Hồ Chí Minh trong việc phát triển kinh tế trong vai trò đầu tàu và động lực, là tăng quyền tự chủ cho chính quyền thành phố trên một số lĩnh vực mà trước kia một số thẩm quyền liên quan do chính quyền trung ương quản lý. Cụ thể trong điều hành quản lý NSNN, phân cấp NSNN cho cấp dưới theo một cơ chế “cởi mở” phù hợp với tình hình kinh tế xã hội từng địa phương. Tuy nhiên, đó là một thách thức đối với thành phố Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ quan trọng được Đảng và Nhà nước giao.

Tuy nhiên, dưới góc độ kinh tế nói chung và tài chính nhà nước nói riêng, khi sử dụng nguồn chi từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học thì cần xem xét đến tính hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội đạt được thông qua các kết quả cụ thể và ứng dụng kết quả đó đối với các sản phẩm từ các công trình nghiên cứu khoa học vĩ mô hoặc vi mô, ứng dụng vào thực tiễn tránh sự lãng phí nhằm đem lại hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội đóng góp quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh tự chủ về quản lý tài chính ngân sách nhà nước. Từ lý luận trên vấn đề đặt ra, làm thế nào có thể đánh giá sự hiệu quả của khoản đầu tư Ngân sách nhà nước dành cho nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực kinh tế tài chính nói riêng cụ thể là kết quả ứng dụng thực tiễn về mặt kinh tế và xã hội phục vụ cho lợi ích quốc gia, địa phương còn là một vấn đề đáng quan tâm khi rất nhiều sản phẩm NCKH thuộc lĩnh vực kinh tế tài chính không được ứng dụng vào thực tiễn trong khi đó chi cho NCKH là rất nhiều. Vấn đề này chưa được phân tích sâu của các chuyên gia, của các nhà khoa học trong điều kiện đất nước ngày một khó khăn về tài chính, thâm hụt ngân sách nhà nước tăng liên tục qua các năm gần đây, nợ công tăng ngày càng cao và có xu hướng tăng gần 65% GDP, thiên tai càng ngày có xu hướng gia tăng khó dự báo, tình hình chính trị rất phức tạp và gần đây nhất là cuộc chiến thương mại của hai nền kinh lớn của thế giới Mỹ và Trung quốc tác động đến nhiều đối với nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

## **THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU**

Hoạt động KH&CN trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu được xây dựng thành các chương trình từ năm 1986. Đến nay, Sở KH&CN TP.HCM đã thành lập 22 chương trình khoa học và công nghệ chủ yếu các chương trình đã tập trung đẩy mạnh công tác triển khai nghiên cứu ứng dụng KH&CN vào các lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên, hỗ trợ đặc lực cho các ngành công nghiệp trọng điểm và công nghệ cao. Chương trình Khoa học xã hội và Nhân văn (lĩnh vực Kinh tế - Tài chính) là một trong các chương trình đó. Các giải pháp cho vấn đề chống lạm phát, ổn định an sinh xã hội, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững; nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách động lực nhằm thúc đẩy việc huy động và phát triển các nguồn lực (nhân lực, đất đai, vốn – tài chính, công nghệ) để phát triển thành phố theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Đáng chú ý là Tp.HCM triển khai cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM trong đó quyền tự chủ quản lý tài chính ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện từ ngày 15/1/2018.

## **1. KHÁI QUÁT MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1.1. Quy trình sản xuất sản phẩm Khoa học và Công nghệ**

Hoạt động Khoa học và Công nghệ là một quá trình sản xuất sản phẩm Khoa học và Công nghệ, quá trình sản xuất các sản phẩm khoa học và công nghệ cũng giống như bất kỳ quy trình sản xuất nào, cũng cần có đầu vào như vốn, nhân lực, nhà xưởng... Hoạt động khoa học và công nghệ cũng cần phải có cán bộ nghiên cứu, cần có kinh phí và phát triển trên các công nghệ nền. (Nguyễn Thị Minh Huệ, 2015). Chính vì vậy bản chất nó cũng có đầu vào và đầu ra. Quá trình sản xuất các sản phẩm khoa học và công nghệ có thể được mô tả như sau



Hình 1: Quy trình sản xuất sản phẩm Khoa học và Công nghệ

**1.2. Sản phẩm từ hoạt động nghiên cứu KH&CN**

Dựa trên những nội dung chính trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ và theo như các quy định của Bộ KH&CN và Sở KH&CN TP.HCM có thể tóm gọn các sản phẩm của nghiên cứu khoa học và công nghệ bao gồm ba dạng chính như sau:

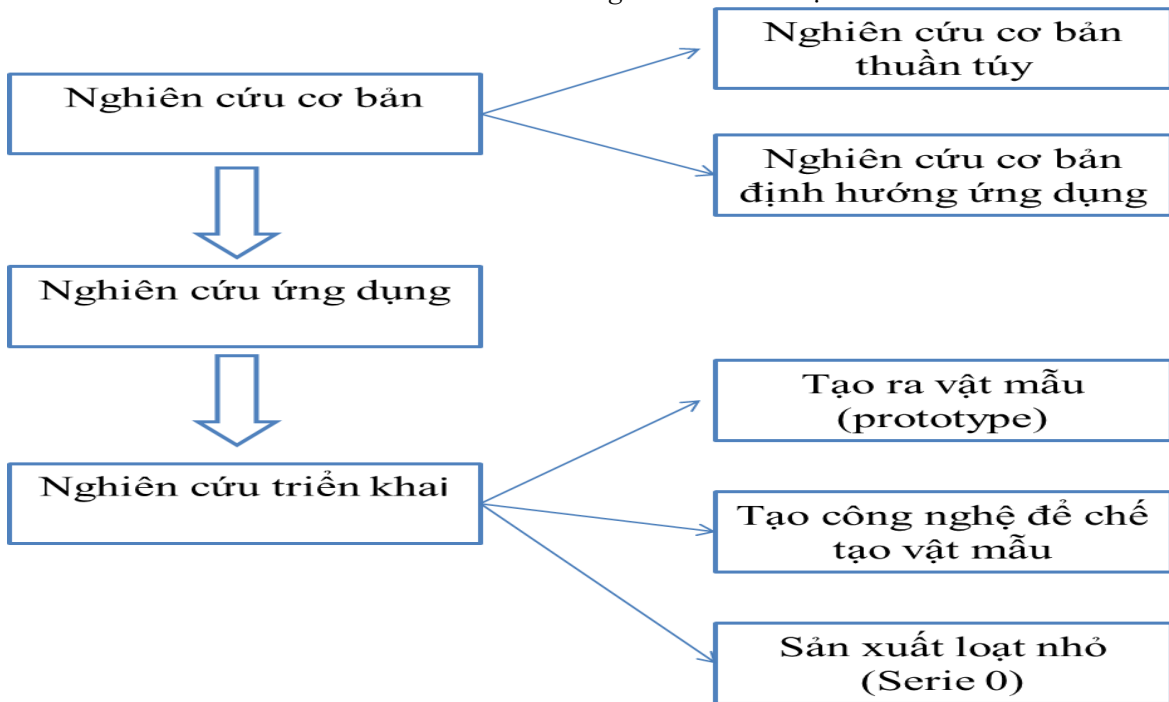
*Dạng I: Mẫu (prototype)* là sản phẩm có thể tiêu thụ được trên thị trường bao gồm các vật liệu, thiết bị, máy móc, dây chuyền công nghệ, giống cây trồng, giống vật nuôi và các loại khác;

*Dạng II: Nguyên lý ứng dụng* bao gồm phương pháp, tiêu chuẩn, quy phạm, phần mềm máy tính, bản vẽ thiết kế, quy trình công nghệ, sơ đồ, bản đồ, số liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo phân tích, tài liệu dự báo, đề án, quy hoạch, luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác;

*Dạng III: Bài báo, sách chuyên khảo và các sản phẩm khác;*

*Dạng IV: Sản phẩm đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ).*

Hình 2 Sơ đồ về nghiên cứu khoa học



Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

**2. QUAN ĐIỂM CHUNG VỀ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ**

Theo Từ điển tiếng Việt, “Hiệu quả là kết quả đích thực”<sup>[1]</sup>; theo đó, hiệu quả được hiểu là kết quả thực tế đã đạt được từ các hoạt động nhất định. Tuy nhiên, cũng có quan niệm cho rằng hiệu quả khác với kết quả

ở chỗ kết quả là thành tích đưa lại, còn hiệu quả là đặt trong mối tương quan giữa thành tích thu được với chi phí nguồn lực.

Theo cách hiểu này, Jeremy Bentham và John Stuart Mill, đưa ra khái niệm: Hiệu quả là khả năng tối đa hóa tổng lợi ích và tối thiểu hóa tổng chi phí xã hội. Như vậy, thuật ngữ hiệu quả phải được hiểu cả trên 2 khía cạnh: Là kết quả đích thực đạt được từ các hoạt động cụ thể (result, effect); Là kết quả đưa lại trong sự so sánh với chi phí nguồn lực (nhân, tài vật lực) bỏ ra để thực hiện các hoạt động cụ thể (efficiency).

Theo GS Vũ Cao Đàm (2007), hiệu quả nghiên cứu khoa học là lợi ích thu được sau khi áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học. Một kết quả nghiên cứu có thể đưa lại hiệu quả sau khi áp dụng, và sẽ không đưa lại hiệu quả gì nếu không đưa vào áp dụng.

Theo nghiên cứu ( luận văn) Trần Thị Cẩm Giang. (2018). Đã đưa ra tiêu chí đã đưa ra tiêu chí khoa học thực tiễn khi đánh giá một sản phẩm nghiên cứu khoa học nói chung và sản phẩm khoa học với lĩnh vực kinh tế tài chính là “mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học”. Một số vấn đề khác khi nghiên cứu chưa đặt vấn đề chi NSNN trong tình hình tài chính NSNN trong bối cảnh Thành phố HCM thực hiện tự chủ tài chính theo cơ chế đặc thù của Tp.HCM và tác giả tiếp tục nghiên cứu về chi ngân sách của Tp.HCM gần 2 năm thực hiện cơ chế đặc thù còn gặp khó khăn về tài chính khi thực hiện một số vấn đề cấp bách hiện nay. Việc đánh giá nghiệm thu các công trình nghiên cứu khoa học công nghệ chủ yếu là đánh giá về mặt giá trị (kết quả nghiên cứu khi kết thúc đề tài).

Qua đó cho thấy, nhiệm vụ KH&CN chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển công nghệ; công tác thực hiện quy trình đánh giá nghiệm thu kết quả nghiên cứu chưa tương hợp với chuẩn mực quốc tế; quản lý hoạt động KH&CN còn tập trung chủ yếu vào các yếu tố đầu vào, chưa chú trọng đúng mức đến hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội các chất lượng sản phẩm đầu ra và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn tại thành phố Hồ Chí Minh

### **3. THỰC TRẠNG CHI NSNN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Theo Luật Khoa học số 29/2013/QH13 ban hành ngày 18/06/2013 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định. Hiện nay, hoạt động khoa học và công nghệ phần lớn được đầu tư từ ngân sách nhà nước. Điều này đã được cụ thể hóa rõ nét ở Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ. Bình quân hàng năm, đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ với mức kinh phí vào khoảng 1,4 - 1,85% tổng chi ngân sách nhà nước, chiếm từ 0,4 GDP đến 0,6 GDP.

Theo báo cáo của Bộ Khoa học và công nghệ ngân sách nhà nước để phát triển khoa học và công nghệ được phân cấp: Ngân sách trung ương thường chiếm tỷ trọng từ 70-75% và ngân sách địa phương chiếm tỷ trọng 25- 30%

Ngân sách thành phố Hồ Chí Minh chi cho KH&CN giai đoạn 2011 – 2016 là 5.783,6 tỷ đồng chiếm tỷ lệ trung bình 2,06% so với tổng chi ngân sách của thành phố, tương đương mức 2% được quy định trong Luật KH&CN; Chi cho sự nghiệp KH&CN là 1.155,2 tỷ đồng, tăng đều hàng năm và chiếm trung bình 19,97% so với tổng chi ngân sách thành phố cho KH&CN (trong đó, chi cho nghiên cứu khoa học chiếm 7,81%); Chi cho đầu tư phát triển là 4.628,4 tỷ đồng, chiếm trung bình 80,03% so với tổng chi ngân sách thành phố cho KH&CN. Số liệu được thể hiện qua các bảng sau:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHI NGÂN SÁCH TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LĨNH VỰC  
KINH TẾ - TÀI CHÍNH TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRONG BỐI CẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỰ CHỦ NGÂN SÁCH

Bảng 1. Số liệu đầu tư từ ngân sách thành phố cho Khoa học và công nghệ.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng giai đoạn 2011-2016
1	Tổng chi cho hoạt động KH&CN	702.900	677.242	1.315.431	1.746.485	1.341.452	5.783.510
	<i>Chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học</i>	<i>132.643</i>	<i>201.994</i>	<i>205.253</i>	<i>244.110</i>	<i>371.234</i>	<i>1.155.234</i>
	<i>Chi đầu tư phát triển KH&amp;CN</i>	<i>570.257</i>	<i>475.248</i>	<i>1.110.178</i>	<i>1.502.375</i>	<i>970.218</i>	<i>4.628.276</i>
2	Tổng chi ngân sách địa phương	57.418.074	65.045.985	62.305.441	41.979.337	54.615.928	281.364.765
3	Tỷ lệ (%) chi cho hoạt động KH&CN tính trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương (3=1:2)	1,22%	1,04%	2,11%	4,16%	2,46%	2,06%

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 2. Tỷ lệ % chi cho lĩnh vực Kinh tế tài chính trên tổng chi cho hoạt động KH&CN

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
1	Tổng chi cho hoạt động KH&CN	702.900	677.242	1.315.431	1.746.485	1.341.452
2	<i>Tổng chi cho lĩnh vực Kinh tế - Tài chính</i>	<i>1.395</i>	<i>2.645</i>	<i>3.518</i>	<i>3.005</i>	<i>3.425</i>
3	Tỷ lệ (%) chi cho hoạt động KH&CN lĩnh vực kinh tế - Tài chính trên tổng chi KH&CN (3 = 2/1)	0.198%	0.39%	0.267%	0.172%	0.255%

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường là khi đánh giá kết quả hoạt động thường đánh giá trên nhiều mặt, nhưng khi xét đến lợi nhuận thì lợi nhuận đạt được sau khi trừ đi tất cả các phí cho hoạt động kinh doanh thì được xem là hiệu quả. Theo quan điểm của tác giả “*Lợi nhuận trong nghiên cứu khoa học không thể đem so sánh và áp dụng như lợi nhuận trong kinh tế*” Do vậy, tình hình chi NSNN nói chung cho NCKH đối với lĩnh vực Kinh tế - Tài chính thì vấn đề cần phải xét đến sự ứng dụng, nghiệm thu các sản phẩm nghiên cứu khoa học của lĩnh vực này vào thực tế và lợi ích xã hội đem lại từ các kết quả nghiên cứu, đó chính là *Mức độ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học*”. Số liệu được thể hiện qua các bảng sau:

Bảng 3. Số liệu đề tài lĩnh vực Kinh tế - Tài chính qua các năm.

*Đvt: 1000 đồng*

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng đề tài	6	4	11	9	7	15	9
Kinh phí cấp	1.395.000	2.645.000	3.518.000	3.005.000	3.425.000	6.049.000	4.504.000

*Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM.*

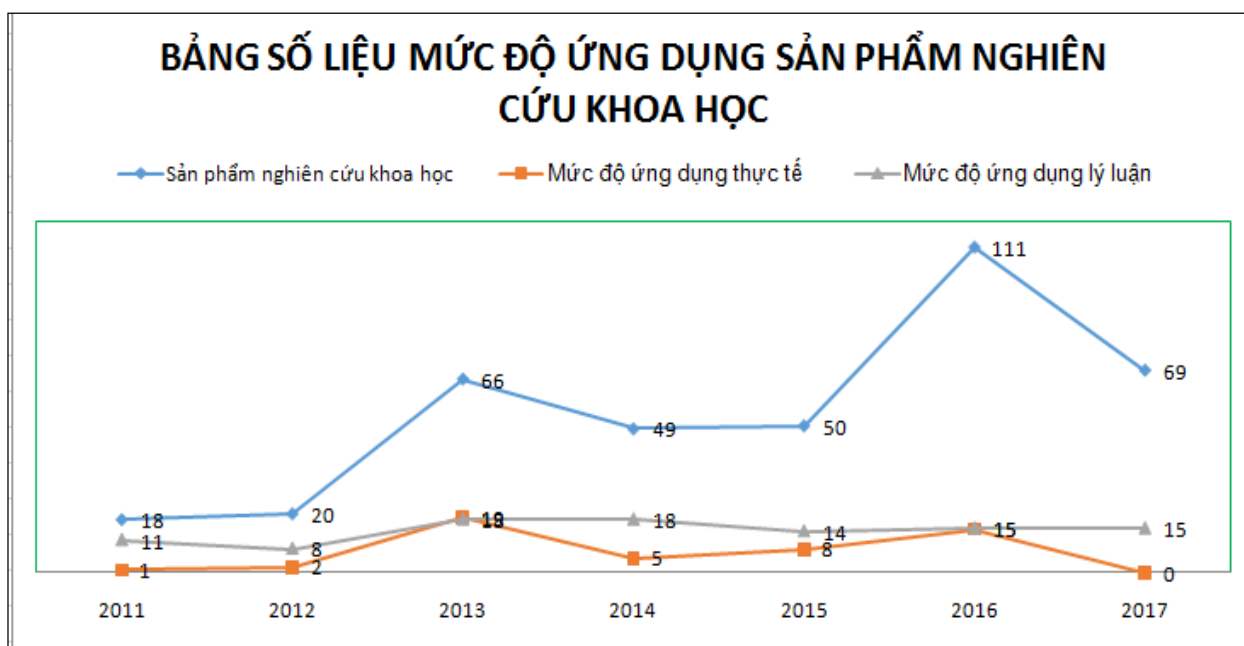
Theo các số liệu có thể thấy được số lượng đề tài lĩnh vực này qua các năm và kết quả sản phẩm cũng như mức độ ứng dụng của lĩnh vực này.

Bảng 4 Số lượng đề tài và mức độ ứng dụng lĩnh vực Kinh tế - Tài chính

Năm	Số lượng		Mức độ ứng dụng	
	Đề tài NCKH	Sản phẩm nghiên cứu	Thực tế	Có tính chất lý thuyết (chưa được áp dụng)
2011	6	18	1	11
2012	4	20	2	8
2013	11	66	19	18
2014	9	49	5	18
2015	7	50	8	14
2016	15	111	15	15
2017	9	69	0	15

*Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM*

Theo số liệu trên có thể nhận thấy số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đăng ký hàng năm tăng giảm không đều qua các năm, năm 2012 số lượng đề tài đăng ký giảm 33% so với năm 2011, năm 2013 tăng vọt đến 175% so với năm 2012, và đến năm 2017 đã giảm 40% so với năm 2016. Số liệu trên cho thấy rằng, số lượng đề tài thuộc lĩnh vực này không tăng đều qua hàng năm có thể do nhiều nguyên nhân. Nếu xét trong năm 2013 thì sản phẩm nghiên cứu là 66 sản phẩm nhưng mức độ ứng dụng thực tế là 19 sản phẩm. Tương tự nếu xét trong năm 2016 thì sản phẩm nghiên cứu là 111 sản phẩm nhưng mức độ ứng dụng thực tế là 15 sản phẩm và năm 2017 thì 69 sản phẩm mức độ ứng dụng thực tế không có sản phẩm nào ứng dụng. Số liệu được thể hiện qua đồ thị sau:



Hình 3 Mức độ ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học

Nguồn: Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM

Qua số liệu biểu đồ chúng ta đều thấy được năm 2012 số lượng đề tài lĩnh vực Kinh tế - Xã hội đăng ký chỉ có 4 đề tài, giảm 33% so với năm 2011, nhưng sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt được ở năm 2012 là 20 sản phẩm tăng 19% so với năm 2011; tuy số lượng sản phẩm nghiên cứu ở mức độ ứng dụng lý luận giảm và mức độ ứng dụng thực tế tăng 100% (1 sản phẩm) so với năm 2011 nhưng nếu xét về sự đầu tư ngân sách (đầu vào) vào năm 2012 (2.645 tỷ đồng) tăng 89.6% so với năm 2011 (1.395 tỷ đồng), thì kết quả sản phẩm đạt được (đầu ra) chỉ đạt ở một tỷ lệ rất thấp.

Bảng 5 Mức kinh phí các đề tài ứng dụng/không ứng dụng qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Năm							
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Mức KP đầu tư							
Đề tài được ứng dụng thực tế	-	-	-	-	910.000	-	-
Đề tài không được ứng dụng	90.000	-	590.000	-	-	3.943.000	2.810.000
Đề tài chưa được ứng dụng	1.305.000	-	2.928.000	3.005.000	2.515.000	2.106.000	1.694.000
<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>1.395.000</b>	<b>-</b>	<b>3.518.000</b>	<b>3.005.000</b>	<b>3.425.000</b>	<b>6.049.000</b>	<b>4.504.000</b>

Nguồn: số liệu tại Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM

Năm 2013 tỷ lệ đầu tư của ngân sách (đầu vào) chỉ tăng 33% (3.518 tỷ đồng) so với năm 2012 (2.645 tỷ đồng) nhưng số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học tăng hơn gấp đôi so với năm 2012 (66 sản phẩm) và mức độ ứng dụng lý luận & mức độ ứng dụng thực tế tăng cao hơn nhiều so với năm 2012. Nhưng tỷ lệ này không tăng đều qua các năm tiếp theo như định hướng, cụ thể khi so sánh số liệu của năm 2016 và năm 2013, chúng ta thấy được một tỷ lệ giảm rõ rệt giữa đầu vào và đầu ra của sự đầu tư ngân sách vào lĩnh vực kinh tế - xã hội, năm 2013 mức đầu tư ngân sách đạt 2.645 tỷ đồng nhưng năm 2016 mức đầu tư ngân sách tăng 128% (6.049 tỷ đồng) so với năm 2013, tuy số lượng sản phẩm đạt được tăng gần gấp đôi

so với năm 2013 nhưng mức độ ứng dụng lý luận giảm 20% và mức độ ứng dụng thực tế giảm 27% so với năm 2013.

Theo số liệu trên, mức đầu tư kinh phí đối với lĩnh vực kinh tế - tài chính chưa được ứng dụng cao xấp xỉ bằng mức tổng đầu tư kinh phí, cũng như đề tài không được ứng dụng có chiều hướng tăng và cao nhất vào năm 2016. Điều này đã cho thấy, hiệu quả kinh tế từ các đề tài nghiên cứu lĩnh vực kinh tế - tài chính là rất thấp so với mức đầu tư từ ngân sách.

Số lượng đề tài chưa ứng dụng được tại thời điểm nghiệm thu đề tài thì liệu rằng đề tài đã không ứng dụng được năm 2011 thì năm 2015 có còn phù hợp với thực tiễn nữa hay không thì tác giả chưa thể kết luận, vì trên lý thuyết sản phẩm khoa học vẫn có tính kế thừa cho các nghiên cứu sau. Với số liệu trên Sở khoa học và công nghệ cần xem xét lại yếu tố đầu vào khi được cấp kinh phí nghiên cứu khoa học, cần phải xây dựng tiêu chí khi cấp kinh phí nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế tài chính nói riêng và các lĩnh vực khác nói chung để tránh lãng phí ngân sách nhà nước và phù hợp với sự phát triển kinh tế hội nhập của Việt Nam.

#### 4. THỰC TRẠNG THU CHI NSNN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2017-2018 TRONG BỐI CẢNH TỰ CHỦ TÀI CHÍNH THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

Bảng 6 Thu chi NSNN năm 2017-2018 của Thành phố Hồ Chí Minh

Đvt: tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Dự kiến 2019
I, Thu cân đối Ngân sách	345.002	367.653	
Thu nội địa	218.104	235.152	390.125
Thu về dầu thô	16.865	24.400	
Thu Hải quan	109.042	108.000	
II, Chi Ngân sách	53.756	65.341	
Chi đầu tư phát triển	22.207	19.923	80.870
Chi thường xuyên	33.680	40.784	
Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	512	756	

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM và tác giả ước lượng 2019

Năm 2018 là năm đầu tiên thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính nên tình hình thu NSNN cụ thể Thu cân đối Ngân sách Nhà nước năm 2017 là 345.002 ( tỷ đồng) và năm 2018 là 367.653 ( tỷ đồng). So với 2017 năm 2018 tăng nhẹ. Trong cơ cấu thu NSNN của Tp. HCM thì thu NSNN từ các đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt có gia tăng đáng kể và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu NSNN. Xét về chi NSNN tại địa phương, chi đầu tư phát triển năm 2018 là 19.923 tỷ đồng có giảm so với năm 2017 là 22.207 tỷ đồng trong khi đó chi thường xuyên năm 2018 là 40.784 tỷ đồng tăng đáng kể so với năm 2017 là 33.680 tỷ đồng và đáng chú trọng cơ cấu chi thì chi sự nghiệp khoa học, công nghệ là có gia tăng đây là điều cần xem xét cụ thể trong bối cảnh hiện nay của TP. HCM.

Qua đây cho thấy xu hướng mở rộng đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là phù hợp với định hướng trong cơ cấu thu và vấn đề đặt ra là cần có lộ trình. Tuy nhiên, xét về tổng chi NSNN tăng trong đó có chi sự nghiệp khoa học, công nghệ là tiếp tục gia tăng đây là điều cần xem xét cụ thể trong bối cảnh hiện nay của TP. HCM qua một năm triển khai cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TPHCM

#### 5. GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Như vậy qua việc phân tích ở trên đặt ra các vấn đề có mối quan hệ với nhau (1) việc sử dụng chi NSNN cho nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực kinh tế - tài chính là chưa hiệu quả thông qua một số đề tài không ứng dụng vào thực tiễn gây lãng phí cho NSNN; (2) tổng chi NSNN của thành phố tiếp tục tăng năm 2018 và năm 2019 tiếp tục tăng. Nếu xét năm 2018 thì chi sự nghiệp khoa học, công nghệ là tăng gần 20-30% so với cùng kỳ; (3) trong bối cảnh thực hiện cơ chế đặc thù của Tp. HCM còn gặp nhiều khó



khẩn trọng đó về NS vì đây là vấn đề mới chưa có tiền lệ trong cả nước như TP.HCM về cơ chế đặc thù và với chủ trương gia tăng thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và một số vấn đề khác liên quan đến NS thì thành phố cũng cần tăng thêm về chi NS gây áp lực lên tổng chi NS của thành phố Hồ Chí Minh trong khi đó tổng thu NS của thành phố so với các năm trước chỉ còn lại một phần sau khi nộp về Trung ương theo quy định.

Hàng năm, mặc dù đầu tư ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ đã có tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ với nhu cầu phát triển trong xu thế mới, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, đổi mới khoa học công nghệ như hiện nay; việc phân bổ ngân sách nhà nước để phát triển khoa học và công nghệ còn phân tán, dàn trải, thiếu tập trung, thiếu mục tiêu ưu tiên, chưa đảm bảo theo những tiêu chí rõ ràng, thiếu cơ chế minh bạch; hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ còn thấp đối với lĩnh vực kinh tế - tài chính. Bởi hiện nay chưa xây dựng được một cơ chế thực sự phù hợp, từ đó dễ gắn kết phân bổ ngân sách nhà nước cho các tổ chức khoa học và công nghệ với các yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể về các sản phẩm khoa học và công nghệ mà các đơn vị nghiên cứu cần thực hiện. Qua phân tích thực trạng trên cho thấy có hai nguyên nhân chủ yếu vừa khách quan và chủ quan.

*Thứ nhất*, nguyên nhân chủ quan là trong quá trình thực hiện các chủ trương của Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ nói chung và lĩnh vực kinh tế - tài chính nói riêng còn nhiều bất cập trong triển khai về các văn bản hành chính trong đó đặc biệt là việc phân bổ ngân sách của Thành phố về cho đến Sở Khoa học và Công nghệ, từ Sở Khoa học và Công nghệ giải ngân đến các đơn vị chủ trì để chuyển đến chủ nhiệm đề tài nghiên cứu là một quá trình xuất phát từ nguyên nhân chậm trễ kế hoạch ngân sách hàng năm làm ảnh hưởng đến việc nghiên cứu khoa học dưới góc độ quản lý;

*Thứ hai*, nguyên nhân khách quan là một số đơn vị chậm trễ trong quá trình đăng ký các sản phẩm nghiên cứu khoa học và quy trình xét duyệt, thẩm định, giải ngân... còn nhiều bất cập về văn bản chồng chéo, hành lang pháp lý chưa đồng bộ. Trong một số trường hợp, nguồn chi cho KH&CN không thực hiện hết nhưng cũng không thể điều hòa cho các nhiệm vụ chi khác có tính ưu tiên cấp bách hơn, dẫn đến việc phải chuyển nguồn sang lĩnh vực nghiên cứu tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Theo định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 – 2020 kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyên gia tiến bộ khoa học và công nghệ về nông nghiệp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2025. Tác giả đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại trong nghiên cứu khoa học đối với lĩnh vực kinh tế- tài chính dưới góc độ tài chính góp một phần về quản lý chi NS trong bối cảnh thành phố tự chủ tài chính

**Giải pháp 1:** Tiếp tục kiên định theo định hướng chủ trương nghiên cứu khoa học của Đảng và Nhà nước đáp ứng nhu cầu xã hội, hiệu quả kinh tế và lợi ích xã hội trong thời kỳ mới

Xây dựng chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm và các định hướng nghiên cứu khoa học đối với Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Thương mại; Du lịch; Vận tải, cảng và kho bãi; Buu chính, viễn thông, thông tin và truyền thông; Kinh doanh tài sản bất động sản... với mục tiêu tránh sự lãng phí về ngân sách đầu tư dàn trải cho NCKH trong bối cảnh thâm hụt NSNN càng tăng và nhằm phục vụ lợi ích kinh tế xã hội thông qua các sản phẩm nghiên cứu khoa học được ứng dụng thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội theo hướng đổi mới công tác quản lý tài chính, tuyển dụng, bố trí, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ KH&CN theo hướng giao quyền tự chủ cao cho thủ trưởng tổ chức KH&CN, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ. Thúc đẩy mối liên kết ba bên giữa nhà khoa học, tổ chức KH&CN - doanh nghiệp - nhà nước.

**Giải pháp 2:** Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư trong nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực kinh tế - tài chính

Tiếp tục điều chỉnh cơ cấu trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học công nghệ phù hợp với năng lực và định hướng phát triển phát triển khoa học công nghệ nói chung và lĩnh vực kinh tế - tài chính nói riêng phù hợp với định hướng cơ cấu đóng góp của các ngành, lĩnh vực vào GDP quốc gia, đảm bảo đúng mục đích, tránh dàn trải. Giao quyền chủ động cho các ngành, địa phương và gắn trách nhiệm về hiệu quả sử dụng với trách nhiệm của thủ trưởng các tổ chức trực tiếp sử dụng ngân sách; Triển khai thực hiện cơ chế hợp tác công tư đồng tài trợ (PPP), thực hiện các cơ chế chính sách để huy động nguồn vốn xã hội

và các nguồn vốn nước ngoài đầu tư các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và có khả năng dẫn dắt chuyên đổi cơ cấu sản xuất trong các ngành, địa phương.

Hiện nay cần thí điểm thành lập quỹ đầu tư KH&CN với sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên cứu, các nhà khoa học, nhà nước và doanh nghiệp. *nhằm thương mại hóa sản phẩm KH&CN* và Phát triển mạng lưới các tổ chức xúc tiến liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp. Xây dựng mô hình phòng thí nghiệm phối thuộc, nhóm nghiên cứu hỗn hợp viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp.

Giải pháp 3: Tiếp tục đổi mới về cơ chế tài chính trong tư trong nghiên cứu khoa học công nghệ lĩnh vực kinh tế - tài chính

Trong bối cảnh thực hiện cơ chế đặc thù của Tp. HCM còn gặp nhiều khó khăn về tài chính nhưng một số vấn đề cần giải quyết cấp bách cho Thành phố cũng cần tăng thêm về chi NS gây áp lực lên tổng chi NS của thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó tỷ lệ thu ngân sách được giữ lại của Tp.hcm giai đoạn 2017-2020 còn khoảng 18% so với 23% số tiền này tương đương hàng ngàn tỷ đồng hàng năm. Bên cạnh đó, tổng mức đầu tư hai tuyến metro Tp.hcm tăng ít nhất 52.000 tỷ đồng và Tp. HCM bị đề nghị hoàn ngân sách 26.000 tỷ đồng bởi Thanh Tra Chính Phủ.

Hiện nay phân bổ ngân sách nhà nước của Thành phố cho mục tiêu phát triển hoạt động khoa học và công nghệ theo Quyết định 2953/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố và mức quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, trong đó, chi sự nghiệp khoa học là 1.440.346 triệu đồng, tăng đều hàng năm và chiếm 23%; chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ là 4.777.987 triệu đồng chiếm 77% so với tổng chi ngân sách thành phố cho khoa học và công nghệ.

Do vậy, tiếp tục sử dụng chi NSNN cho hoạt động NCKH theo đúng định hướng chiến lược, tuy nhiên cần đẩy mạnh cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ các sản phẩm được sử dụng vào thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội; mở rộng việc tìm kiếm và triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu theo hình thức hợp tác song phương và đa phương với các nước có nền khoa học phát triển để tiếp cận công nghệ hiện đại và thu hút kinh phí đầu tư từ nước ngoài cho khoa học công nghệ; xây dựng các quỹ nghiên cứu khoa học đối với các thành phần kinh tế nhằm giảm áp lực chi từ NSNN và tăng hiệu quả chi từ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Từ thực tế cho thấy để tăng cường nguồn lực đầu tư cho KH&CN, lĩnh vực Kinh tế - Tài chính thì Sở KH&CN TP.HCM cần phải có những khuyến khích đầu tư của các doanh nghiệp cho KH&CN, không chỉ dựa chủ yếu vào NSNN như thời gian qua, nhất là trong bối cảnh Tp. HCM đang có chủ trương gia tăng thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học... tránh lãng phí nhân tài, nguồn nhân lực xã hội thì Thành phố cũng cần có tăng thêm về chi thường xuyên việc này sẽ gây áp lực lên tổng chi NS thành phố trong khi thu NSNN có xu hướng chậm lại, bên cạnh đó việc xem xét đánh giá các tiêu chí đầu vào nghiên cứu khoa học tránh việc lãng phí NS và giảm dần mức độ phụ thuộc từ chi từ NSNN cho một số sản phẩm nghiên cứu khoa học không ứng dụng được vào thực tế.

Giải pháp 4, Hoàn thiện công tác kiểm soát chi NSNN và tiêu chí đánh giá hiệu quả chi NSNN cho NCKH trong lĩnh vực kinh tế- tài chính

Tăng cường kiểm soát chi NSNN cho NCKH là đổi mới cơ bản, toàn diện, đồng bộ tổ chức, hành lang pháp lý, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ, tăng định mức chi, bổ sung và mở rộng nội dung chi, đơn giản hóa thủ tục hóa đơn, chứng từ tài chính phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ. Áp dụng chính sách đầu tư cho tổ chức khoa học và công nghệ dựa vào hiệu quả hoạt động và kết quả đầu ra.

Hiện nay việc đánh giá hiệu quả của một sản phẩm nghiên cứu khoa học là chưa cụ thể và chỉ dừng góc độ mức độ ứng dụng được hay không. Tuy nhiên, xét về góc độ kinh tế cân đối NSNN thì việc chi NSNN để phục vụ cho kinh tế xã hội từ đó tăng nguồn thu cho NSNN, nhưng dưới góc độ khoa học thì cần xem xét hai yếu tố: (1) hiệu quả kinh tế của các sản phẩm NCKH lĩnh vực kinh tế tài chính là mức độ đóng góp vào tăng trưởng (GDP); (2) lợi ích xã hội đạt được như thế nào từ sản phẩm NCKH được ứng dụng. Lợi ích xã hội đạt được từ sản phẩm NCKH ở hai dạng, *vô hình* là sự tăng gia tăng thêm nhu cầu sống và *hữu hình* là tăng gia tăng thêm về giá trị.

Sản phẩm KH&CN luôn đổi mới, sáng tạo, nhiều sản phẩm mới nhưng chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về chất lượng nên cơ quan nhà nước lúng túng trong quá trình xem xét, cấp phép lưu hành khiến cho

sản phẩm đến từ KH&CN chậm được đưa ra thị trường ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả của sản phẩm trong thời điểm áp dụng.

Giải pháp 5, Xây dựng cơ chế, hành lang pháp lý để hình thành và định hướng phát triển thị trường KH&CN và doanh nghiệp KH&CN theo mô hình tiên tiến phát triển sản phẩm công nghệ cao ưu tiên đầu tư của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn 2025

Xây dựng các chính sách và cơ chế hỗ trợ phát triển và phát huy tiềm lực của các tổ chức KH&CN trên địa bàn thành phố, xây dựng đề án đào tạo chuyên gia các ngành trọng điểm của Thành phố; tìm kiếm các mô hình, cơ chế hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu phát triển và hoàn thiện lại cơ chế chính sách của Thành phố nhằm tăng độ ưu tiên đầu tư cho các nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ gắn với các sản phẩm chủ lực, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của thành phố được tăng cường và phát triển. Theo mô hình tiên tiến phát triển sản phẩm công nghệ cao Thành phố là đã thành lập một số mô hình KH&CN mạnh và đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á để nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới, công nghệ cao, *điển hình là: Công viên phần mềm Quang Trung.*

Để nâng cao hiệu quả thi thành phố cần phải có chính sách mạnh mẽ khuyến khích doanh nghiệp ngoài nhà nước thành lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ tạo nguồn lực đầu tư đổi mới công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ chính là khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu phát triển, hoạt động đổi mới công nghệ bằng chính nguồn vốn của doanh nghiệp và các sản phẩm khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp KH&CN được ưu tiên trong việc xét thầu, lựa chọn từ các dự án đầu tư hoặc dự án mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước đáp ứng chất lượng, giá cả cạnh tranh so với sản phẩm của các doanh nghiệp nước ngoài. Thông qua thúc đẩy phát triển mối liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp nhằm thương mại hóa sản phẩm KH&CN, đẩy mạnh hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ, phát huy năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức và chuyên gia khoa học và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất của các tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ được đầu tư từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ thành phố; thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng và đào tạo nhân lực về năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp; phát triển nhanh và đồng bộ các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN

Định hướng mạnh hình thành sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu với các nhóm doanh nghiệp, nhất là trong các ngành trọng điểm; đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán đến sản phẩm cuối cùng; hoàn thiện cơ chế đầu tư cho nghiên cứu với hoạt động chuyển giao kết quả theo cơ chế thị trường và đẩy nhanh thực hiện áp dụng cơ chế thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng về KH&CN. Phát triển mạng lưới các tổ chức xúc tiến liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp. Phát triển mạnh hình thức doanh nghiệp đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cho viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện. Đơn giản hóa quy trình và thủ tục, giảm thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

## 6. KIẾN NGHỊ

Thành phố cần quan tâm phát triển về khởi nghiệp sáng tạo trong nghiên cứu KH&CN thông qua các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động khởi nghiệp của thành phố. Hoàn thiện các chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ KH&CN và cần quan tâm nhiều hơn trong việc đào tạo, tập huấn nhân lực khoa học và công nghệ đặc biệt là đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp làm công tác quản lý, nghiên cứu. Tiếp tục có chính sách thông thoáng về các hình thức đấu thầu vận hành theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế đấu thầu nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán đến sản phẩm cuối cùng; hoàn thiện cơ chế đầu tư cho nghiên cứu với hoạt động chuyển giao kết quả theo cơ chế thị trường và đẩy nhanh thực hiện áp dụng cơ chế thị trường trong cung ứng các dịch vụ công, dịch vụ hạ tầng về KH&CN. Định hướng mạnh hình thành sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu với các nhóm doanh nghiệp, nhất là trong các ngành trọng điểm.

## LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin trân trọng cảm ơn đến tạp chí khoa học trường Đại học công nghiệp Tp.HCM, tập thể ban biên tập, các nhà khoa học tham gia phản biện góp ý làm hoàn thiện thêm một số vấn đề khoa học và thực tiễn về nội dung bài báo, Cảm ơn sự quan tâm của các đọc giả về bài báo này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Khoa học và Công nghệ (2015). Báo cáo sơ kết giai đoạn 2011-2015 thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 2011-2020.
- [2] Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia (2016). Sách trắng KH&CN Việt Nam 2015.
- [3] Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020.
- [4] Đổi mới cơ chế quản lý chi tiêu ngân sách nước cho khoa học và công nghệ. (n.d.).
- Dũng, N. T. (2012). Gốc và nghĩa của các từ khoa học, công nghệ và kỹ thuật. Bản tin Đại Học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Huế, N.T.M (2015). Phân tích cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại Tp.HCM
- [6] Luật Khoa học Công nghệ (n.d). Truy xuất từ Pattanayak, S. (2016). Expenditure Control: Key Features, Stages, and Actors.
- [7] Sự thay đổi chính sách ngay bên trong bản thân Cơ quan Khoa học Quốc gia (n.d.).
- [8] Vân, M.L.T (2015) Đóng góp của Khoa học và Công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam Việt Nam Tạp chí Khoa học và Công nghệ
- [9] White, (2014) Kinh tế xã hội thành phố Hồ Chí Minh [phiên bản đọc trên thư viện điện tử Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2016
- [10] Trần Thị Cẩm Giang. (2018). *Đánh giá hiệu quả chi ngân sách đối với nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế - tài chính tại sở khoa học và công nghệ thành phố hồ chí minh giai đoạn 2011 – 2017 và định hướng 2025.*, luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Công nghiệp Tp. HCM.

*Ngày nhận bài: 01/07/2019*

*Ngày chấp nhận đăng: 17/01/2020*